

Bản án số: 317/2021/HSPT

Ngày: 21/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 361/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Tấn K và các bị cáo khác về tội “Giết người”. Do có kháng cáo của các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST-CTN ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1601/2021/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. NGUYỄN TẤN K (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 26 tháng 01 năm 2002 tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT: Tổ 34, phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T (1975) và bà Hồ Thị T (1977); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020.

Nhân thân:

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích” theo bản án số: 21/2020/HS-PT-CTN ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN TRẦN ANH H (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 16 tháng 9 năm 2004 tại thành phố Đà Nẵng (Tính đến ngày phạm tội bị cáo 15 tuổi 04 tháng 28 ngày); nơi ĐKHKTT: Tổ 06, phường T Tây, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: phường T Tây, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn N (1970) và bà Trần Thị T (1972); tiền án, tiền sự: Chưa, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. HỒ QUANG V; tên gọi khác: Chó; sinh ngày 26 tháng 01 năm 2004 tại thành phố Đà Nẵng (Tính đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi 18 ngày); nơi ĐKHKTT: Tổ 46 phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Hồ Quang D (1969) và bà Trần Thị Tuyết S (1981); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

4. HỒ MINH Q; tên gọi khác: Chó; sinh ngày 14 tháng 02 năm 2004 tại thành phố Đà Nẵng (Tính đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi); nơi ĐKHKTT: Tổ 55, phường T Tây, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Số K814/28/10 Đường Trần Cao Vân, phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Hồ Văn T (1972) và bà Phan Thị P (1983); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN QUỐC T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 01 tháng 10 năm 2002 tại thành phố Đà Nẵng (Tính đến ngày phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 13 ngày); nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 45, phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Quốc T (1978) và bà Nguyễn Thị B (1979); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. LÊ ANH KHOA N (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 12 tháng 10 năm 2002 tại thành phố Đà Nẵng (Tính đến ngày phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 02 ngày); nơi ĐKHKTT: tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Tổ 16, phường T Tây, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Anh M (chết) và bà Nguyễn Thị T (1970); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. NGUYỄN VĂN T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 28 tháng 03 năm 2004 tại thành phố Đà Nẵng (Tính đến ngày phạm tội bị cáo 15 tuổi 10 tháng 16 ngày); nơi ĐKHKTT: Tổ 44, phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Số 24, đường Phú Lộc 7, phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn M (1976) và bà Hồ Thị N (1981); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

1. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trần Anh H:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (có mặt) và bà Trần Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt) (là cha, mẹ ruột của bị cáo); nơi cư trú: phường T Tây, quận T, thành phố Đà Nẵng.

2. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Quang V:* Ông Hồ Quang D, sinh năm 1969 (có mặt) và bà Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1981 (vắng mặt) (là cha mẹ ruột của bị cáo); nơi cư trú: phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng.

3. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ M Q:* Ông Hồ Văn T, sinh năm 1972 (có mặt) và bà Phan Thị P, sinh năm 1983 (vắng mặt) (là cha, mẹ ruột của bị cáo); nơi cư trú: phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng.

4. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quốc T:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1978 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979 (có mặt) (là cha, mẹ ruột của bị cáo); nơi cư trú: Số K05/36 Đường Nguyễn Cao, Tổ 45, phường T Đông, quận T, thành phố Đà Nẵng.

5. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Anh Khoa N:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt do bị bệnh) (là mẹ ruột của bị cáo); nơi cư trú: Tổ 16, phường T Tây, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có cậu ruột là ông Nguyễn Văn Hùng tham gia phiên tòa.

6. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1976 (có mặt) và bà Hồ Thị N, sinh năm 1981 (có mặt) (là cha, mẹ ruột của bị cáo); nơi cư trú: phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người bào chữa:

1. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần Anh H và bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Võ Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

2. *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Quang V:* Bà Lê Thị Hồng T - Luật sư Văn phòng luật sư T. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

3. *Người bào chữa cho bị cáo Hồ M Q:* Bà Lê Thị M - Luật sư Văn phòng luật sư L. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

4. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T:* Ông Phạm Văn N - Luật sư Văn phòng luật sư Q. Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

5. *Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh Khoa N:* Ông Trần Xuân V - Luật sư Văn phòng luật sư H. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

6. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn K:* Ông Hà Xuân B - Luật sư của Văn phòng luật sư P. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Trong vụ án này có 04 bị cáo: Phan Thành Đ, Hồ H H, Nguyễn Văn Thành T, Trần Xuân T nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 14/02/2020, Phan Thành Đ cùng Nguyễn Văn Thành T, Hồ H H, Nguyễn Tấn K, Lê Anh Khoa N, Nguyễn Quốc T, Hồ M Q, Trần Xuân T, Hồ Quang V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trần Anh H, Hồ N B, Nguyễn Hữu T, Lê Văn Thanh H rủ nhau đến quán “T” tại số 138 Q, tp Đà Nẵng để dự sinh nhật của Trần Xuân T và Hồ M Q. Sau đó, T điều khiển xe máy chở B đi công việc, khi đi ngang quán cà phê “C” tại số 214 K thuộc phường T Đông, quận T, tp. Đà Nẵng thì phát hiện Hà Gia H đang làm việc tại đây. Do nhóm của H có mâu thuẫn từ trước với nhóm của T nên T chở B quay về quán T để rủ mọi người đi đánh H. Tại quán T, T kể lại việc phát hiện H tại quán cà phê “C” và cùng K rủ tất cả mọi người cùng đi đánh H thì tất cả đồng ý. Lúc K, T, T đi trên xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển kiểm soát: 43D1-662.49; T, Q đi trên xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu trắng, biển kiểm soát: 43D1- 041.25; N, T đi trên xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát: 29N8-7142; H nhờ H chở đến quán bi-a gần quán “C”, rồi H quay về lại quán T; H, V đi trên xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, chưa rõ biển số cùng đi đến quán cà phê “C” để đánh H, còn Đ đi vào nhà vệ sinh. Riêng B, T, H thì ở lại quán “T” không tham gia đi đánh nhau.

Khi đến quán C, T, N, T, V, H và T đứng bên ngoài quán cà phê để hỗ trợ, còn H, K, T và Q xông vào bên trong dùng bàn ghế có sẵn tại quán cà phê tấn công H, H lấy 01 (một) con dao Thái Lan tại quầy pha chế chống trả nhưng không gây thương tích cho ai. Thấy H cầm dao, H quay về bãi phế liệu gần nhà của Đ lấy 01 (một) cây dao tự tạo dài khoảng 80cm quay lại để đánh H. Lúc này, K, T, Q tiếp tục dùng bàn ghế tại quán tấn công H, còn H xông vào dùng dao tự tạo chém nhiều nhát vào người H nhưng H né tránh và dùng ghế đỡ được (chỉ có 01 nhát chém sượt tay H nhưng thương tích không đáng kể). Trong lúc chém H thì H làm rơi con dao xuống đất, H nhặt con dao mà H làm rơi đuổi đánh H, K, T, Q ra phía trước quán cà phê “C”.

Thấy H cầm dao đuổi đánh, H chở H, Q chở T, K đi một mình chạy vào bãi phế liệu mục đích để lấy hung khí để tiếp tục chém H, số còn lại vẫn đứng trước quán. Khi vào bãi phế liệu, T cầm cây tuýp sắt đưa cho K nhưng K không cầm; còn T gọi điện cho Đ lúc này đang ở quán T đến hỗ trợ, gọi Đ xong thì T gọi cho V nhờ xuống chở Đ. Nghe T gọi thì Đ cũng gọi V xuống chở, trên đường đi Đ nói V chở đến bãi phế liệu gần nhà lấy 01 (một) cây dao phóng lợn dài khoảng 2,5m (lưỡi dao dài 50cm được hàn vào một cây tuýp sắt dài khoảng 2m) rồi tất cả quay lại quán cà phê C lúc này H đang cầm dao tự tạo đứng trước quán, Đ xông lại gần dùng dao phóng lợn chém 01 (một) phát theo hướng từ trên xuống trúng vào đầu của H làm H gục xuống, Đ tiếp tục chém 01 (một) nhát vào chân H, T xông vào dùng cùi chỏ tay đánh H. Thấy H gục xuống thì Đ nhặt cây dao phóng lợn và cây mã tấu vứt xuống bờ kênh, còn các đối tượng khác lên xe bỏ đi. Cây dao phóng lợn và cây dao tự tạo, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được. Hậu quả, người bị hại Hà Gia H bị tổn thương cơ thể 38%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST-CTN ngày 04/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Trần Anh H, Hồ Quang V, Hồ M Q, Nguyễn Quốc T, Lê Anh Khoa N và Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”.

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 57 và Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Tấn K 11 (mười một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 21/2020/HS-PT-CTN ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn K phải chấp hành chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/02/2020.

2. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trần Anh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quốc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Hồ Quang V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

6. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Hồ M Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

7. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Anh Khoa N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên về tội danh và hình phạt đối với 4 bị cáo khác; phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định các bị cáo Hồ Quang V, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Quốc T, Lê Anh Khoa N, Hồ M Q Kháng cáo xin giảm hình phạt; Ông Nguyễn Văn N là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trần Anh H và bà Hồ Thị N là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T đều kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị Nguyễn Tấn K, Hồ Quang V, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho các bị cáo K, V một phần hình phạt; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Trần Anh H, Nguyễn Văn T, Hồ M Q, Nguyễn Quốc T, Lê Anh Khoa N, giữ N bản án sơ thẩm về hình phạt. Về phần án phí dân sự sơ thẩm, trong giai đoạn sơ thẩm bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo thoả thuận bồi thường cho bị hại trước phiên tòa sơ thẩm do đó không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc phải chịu là không đúng, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, vì các bị cáo là người dưới 18 tuổi, bị cáo Nguyễn Tấn K vừa qua tuổi 18; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, có bị cáo thì do hoàn cảnh điều kiện sống, đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện sớm tái hoà nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng các bị cáo vắng mặt không có lý do nhưng có mặt của ông Hồ Quang D là đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Quang V và có mặt của ông Nguyễn Văn M, bà Hồ Thị N là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T và các đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị Tòa án tiến hành xét xử; Luật sư Võ Văn Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và Luật sư Lê Thị Hồng Thanh bào chữa cho bị cáo Hồ Quang V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc vắng mặt của hai bị cáo V và T không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có Luật sư và người đại diện hợp pháp tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T mặc dù Luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt nhưng bị cáo từ chối Luật sư và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử và bà Nguyễn Thị B, đại diện hợp pháp của bị cáo cũng đề nghị Tòa án tiến hành xét xử nên Hội đồng tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng, chỉ giữ N nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ông Nguyễn Văn N, đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trần Anh H và bà Hồ Thị N, đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T giữ N nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn từ trước với Hà Gia H, nên vào tối ngày 14/02/2020, trong khi dự sinh nhật, sau khi nghe Hồ N B và Nguyễn Văn Thành T kể lại thấy Hà Gia H đang ở quán “C” tại số 214 K, Nguyễn Văn Thành T và Nguyễn Tấn K rủ cả nhóm đi đánh H và cả nhóm đồng ý tham gia gồm: Phan Thành Đ, Hồ H H, Nguyễn Trần Anh H, Hồ Quang V, Trần Xuân T, Hồ M Q, Nguyễn Quốc T, Lê Anh Khoa N, Nguyễn Văn T. Khi đến quán cà phê “C”, T, N, T, V, H và T đứng bên ngoài quán cà phê để hỗ trợ, H dùng mã tấu chém 07 nhát liên tục vào người Hà Gia H, nhưng H dùng ghế đỡ được, có 01 nhát chém sượt tay phải H, K, T và Q xông vào bên trong dùng bàn ghế có sẵn tại quán ném vào người H. Một lúc sau, Phan Thành Đ đến và dùng dao phóng lộn dài khoảng 2,5m (lưỡi dao dài 50cm được hàn vào một cây tuýp sắt dài 2m) chém một nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào đầu của H làm H ngã gục xuống, Đ tiếp tục chém 01 nhát vào chân H. Sau khi chém H ngã gục, cả nhóm lên xe và rời khỏi hiện trường.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 79/TgT đối với Hà Gia H ngày 27/3/2020 của T tâm Pháp y thành phố Đà Nẵng kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương vùng đầu gây: Lún xương hộp sọ, tụ máu và khí nội soi, tổn thương dạng đụng dập xuất huyết nhu mô não thùy đỉnh trái, đã được phẫu thuật mở rộng vết thương, khoan mở nắp hộp sọ vỡ, lấy máu tụ, dẫn lưu. Mặt ngoài đoạn 1/3 cẳng tay phải có vết rách nông da, mặt mu ngón II, III bàn tay phải có vết rách da, hiện tại đã lành sẹo. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Hà Gia H hiện tại là 38% (ba mươi tám phần trăm). Với hành vi phạm tội đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Trần Anh H, Hồ Quang V, Hồ M Q, Nguyễn Quốc T, Lê Anh Khoa N và Nguyễn Văn T về tội “Giết người” theo quy định điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tuy các bị cáo còn trẻ nhưng đã thực hiện hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, thể hiện tích chất côn đồ, ảnh hưởng trật tự trị an. Trong vụ án này, bị cáo K là người trên 18 tuổi và là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội). Bị cáo Q dùng ghế ném trúng người H; bị cáo T, N, H, T, V tham gia vụ án ngay từ đầu, đứng ngoài hỗ trợ đồng phạm, giúp sức về tinh thần, sau khi Đ chém H ngã gục, chờ đồng phạm rời khỏi hiện trường.

Khi xét xử sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, như: thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; sau khi phạm

tội gia đình các bị cáo T, Q và K đã bồi thường T bộ thiệt hại, gia đình các bị cáo T, V, H và N đã bồi thường một phần cho bị hại; đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trừ bị cáo K, còn lại các bị cáo khác là người dưới 18 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại các Điều 90, 91, 101, 102 Bộ luật hình sự từ đó áp dụng hình phạt đối với các bị cáo H, Q, T, N và T là thoả đáng. Đối với các bị cáo Nguyễn Tấn K, Hồ Quang V, cấp phúc thẩm thấy rằng, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo K vừa bước qua tuổi 18 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử 11 năm tù là quá nghiêm khắc; bị cáo V người dưới 18 tuổi, có vai trò thứ yếu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử 03 năm 06 tháng tù là chưa công bằng với các bị cáo khác. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo K và bị cáo V, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Các bị cáo còn lại, kháng cáo không có cơ sở và không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Toà án cấp phúc thẩm thấy rằng, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn K, Hồ Quang V có căn cứ chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm hôm nay. Kháng cáo của các bị cáo Hồ M Q, Nguyễn Quốc T, Lê Anh Khoa N và kháng cáo của đại diện hợp pháp các bị cáo Nguyễn Trần Anh H, Nguyễn Văn T không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ N bản án sơ thẩm về hình phạt, như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nội dung này không có kháng cáo kháng nghị, nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, các gia đình bị cáo và phía bị hại đã có thoả thuận bồi thường, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, đại diện hợp pháp của các bị cáo đã thoả thuận bồi thường cho bị hại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy, Toà án cấp phúc thẩm sửa lại nội dung này như đề nghị của Viện kiểm sát.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo và ông N, bà N là đại diện hợp pháp của bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Tấn K và Hồ Quang V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ M Q, Nguyễn Quốc T, Lê Anh Khoa N và kháng cáo của bà Hồ Thị N là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Văn N là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trần Anh H, giữ N bản án sơ thẩm về hình phạt .

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn K và bị cáo Hồ Quang V, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 57 và Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Tấn K 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 21/2020/HS-PT-CTN ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/02/2020.

2. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trần Anh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quốc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Hồ Quang V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

6. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Hồ M Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

7. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều.54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Anh Khoa N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Tất cả các bị cáo đều bị xét xử về tội **“Giết người”**.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của các bị cáo: Nguyễn Văn Thành T, Hồ Quang V, Lê Anh Khoa N, Nguyễn Trần Anh H, Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Hồ M Q, Lê Anh Khoa N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm hình sự.

Ông Nguyễn Văn N (là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trần Anh H) phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm hình sự; bà Hồ thị N (là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T) phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (07 bản để làm QĐTHA);
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo tạm giam (TTG tổng đạt cho bị cáo), bị cáo tại ngoại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường T Đông và phường T Tây, quận T, thành phố Đà Nẵng (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường